

Đông Nam Á trong chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ sau chiến tranh lạnh

NGUYỄN THỊ LỆ*

Trong cục diện cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các nước lớn, với tư cách là siêu cường duy nhất sau chiến tranh lạnh, để bảo vệ lợi ích chiến lược và gia tăng sự hiện diện của mình ở châu Á - Thái Bình Dương (CA-TBD), Mỹ ngày càng quan tâm hơn đến Đông Nam Á, đặt cao vị trí của khu vực này trong chiến lược an ninh quốc gia. Thực tế cho thấy, càng về những năm gần đây, chính quyền Mỹ càng tăng cường duy trì, thiết lập quan hệ trên các lĩnh vực quan trọng với nhiều nước Đông Nam Á. Đối với Mỹ thời kỳ sau chiến tranh lạnh, mục tiêu chiến lược an ninh quốc gia được xác định nhất quán là duy trì vững chắc nền an ninh Mỹ dựa vào sức mạnh lực lượng vũ trang, hỗ trợ cho việc phát triển kinh tế phồn thịnh ở trong nước và phát triển dân chủ ra nước ngoài. Để thực hiện được các mục tiêu trên ở khu vực CA-TBD và Đông Nam Á, Mỹ cho

rằng phải giữ được “vai trò lãnh đạo chủ chốt” để không cho bất cứ một cường quốc nào nổi lên chống lại Mỹ, đồng thời phải thúc đẩy kinh tế thị trường và tự do dân chủ có lợi cho Mỹ.

Trong bản Chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ cho thế kỷ 21 công bố năm 1999 dưới thời tổng thống B.Linton, Mỹ tiếp tục khẳng định sự quan tâm đến Đông Nam Á: “Lợi ích chiến lược của chúng ta ở Đông Nam Á là ở chỗ phát triển hợp tác khu vực và song phương cùng quan hệ kinh tế, điều đó giúp ngăn chặn và giải quyết xung đột, nâng cao mức tham gia của Mỹ trong nền kinh tế khu vực. Mục tiêu chính sách của Mỹ ở Đông Nam Á là duy trì quan hệ đồng minh với Óxtrâyliã, Thái Lan, Philippin và các thỏa thuận với Xingapo và các nước ASEAN khác, đồng thời tạo điều kiện duy trì một ASEAN mạnh, đoàn kết có khả năng bảo đảm ổn định và thịnh

* Ths. Nguyễn Thị Lệ, Trường Trung học An Hải, Hải Phòng

vượng trong khu vực"⁽¹⁾. Từ lợi ích và mục tiêu chiến lược đó, Mỹ đề ra chính sách Đông Nam Á là kết hợp hai đường lối: *Thứ nhất* là duy trì những quan hệ ngày càng có hiệu quả với ASEAN, đặc biệt là đối thoại về vấn đề an ninh trong khuôn khổ Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). *Thứ hai* là trù định việc tiến hành các sáng kiến song phương cùng với một số nước nhằm tạo điều kiện cho ổn định chính trị cải cách thị trường; giảm bớt những thiệt hại mà tội phạm có tổ chức gây ra, nhất là việc cung cấp heroin từ Mianma và các nước khác trong khu vực. Chính quyền B.Clinton khẳng định tăng cường ảnh hưởng ở Đông Nam Á với sự trở lại khu vực là bước đi quan trọng trong nỗ lực chuyển trọng tâm chiến lược sang khu vực CA-TBD nhằm các mục tiêu chủ yếu sau:

Một là, Mỹ muốn nắm lại địa bàn Đông Nam Á nhằm củng cố các quan hệ liên minh của mình tại CA-TBD. Trở lại Đông Nam Á, Mỹ chẳng những nối lại quan hệ với các nước bạn bè đồng minh truyền thống, mà còn có thể xây dựng được vành đai liên kết an ninh từ Đông Bắc Á xuống Đông Nam Á thậm chí vươn sang Ấn Độ Dương, xây dựng "liên minh chiến lược châu Á" bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN. Đặc biệt, Mỹ cho rằng tăng trưởng kinh tế thế giới đã chuyển sang CA-TBD, tương lai có khả năng châu Á sẽ trở thành khu vực xảy ra xung đột quân sự. Vì vậy, bắt đầu từ tháng 5/2000, Mỹ tiến hành điều chỉnh chiến lược an ninh quân sự, từng bước chuyển trọng tâm chiến lược từ châu Âu sang CA-TBD. Trở lại Đông Nam Á về mặt quân sự chính là

một trong những bước quan trọng trong chuyển hướng chiến lược đó.

Hai là, Mỹ trở lại Đông Nam Á nhằm lôi kéo các nước cùng đối phó với "mối đe dọa Trung Quốc", đảm bảo giữ cho Mỹ địa vị bá quyền trong khu vực cũng như trên phạm vi toàn cầu. Các nhà chiến lược Mỹ lo ngại, với tốc độ phát triển nhanh, Trung Quốc sẽ thay Nga trở thành đối tượng chủ yếu trong tương lai của Mỹ. Vì vậy, trở lại Đông Nam Á để kiềm chế Trung Quốc là sự lựa chọn quan trọng của Mỹ

Ba là, trở lại Đông Nam Á, Mỹ còn muốn biến đây trở thành cứ điểm để cải thiện và phát triển quan hệ với Ấn Độ. Một mặt, Mỹ muốn ngăn chặn hợp tác Nga - Ấn, mặt khác muốn liên kết với Ấn Độ để cùng kiềm chế Trung Quốc. Đối với một số nước Đông Á, để cho Mỹ trở lại khu vực này là sự tiếp tục đường lối ngoại giao cân bằng nước lớn. Tuy nhiên, hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước Đông Nam Á khác nhau nên mức độ quan hệ với Mỹ cũng khác nhau.

Bốn là, Mỹ muốn tăng cường chiếm lĩnh thị trường Đông Nam Á, từ đó mở rộng ra toàn bộ khu vực CA-TBD. ASEAN có tầm quan trọng thiết yếu để đạt được nền thương mại an toàn với Mỹ. Kim ngạch ngoại thương ASEAN - Mỹ đạt 150 tỷ USD trong năm 2005. ASEAN là bạn hàng lớn thứ 4 của Mỹ, đầu tư trực tiếp của Mỹ vào ASEAN đạt trên 50 tỷ USD. Sự can dự của Trung Quốc vào khu vực này đang tăng lên là tác động quan trọng đối với Mỹ. Hiện nay, ASEAN đã duy trì cơ chế ASEAN +1 và ASEAN +3 với Trung

Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, xúc tiến thành lập khu vực mậu dịch tự do với 3 nước này.

Sau sự kiện ngày 11/9/2001, Mỹ đã chú ý đến Đông Nam Á nhiều hơn trước và khu vực này đã trở thành “mặt trận thứ hai” trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ. Tuy nhiên, các nhà phân tích chính sách Mỹ đều cho rằng, Mỹ mới chỉ chú trọng đến việc chống khủng bố mà chưa có một chính sách kinh tế, chính trị, an ninh rõ ràng và mạch lạc đối với Đông Nam Á, do đó chưa có một sự phối hợp chính sách hiệu quả trên quy mô khu vực. Mặc dù tuyến hàng hải chạy qua Đông Nam Á là rất quan trọng, nhưng không liên quan trực tiếp trên quy mô lớn đến lợi ích của Mỹ. Chỉ có chưa đầy 4% trao đổi thương mại của Mỹ được thực hiện qua các eo biển ở Đông Nam Á. Các mối quan tâm về an ninh của Mỹ ở Đông Á chủ yếu nằm ở Đông Bắc Á, nơi bao gồm những đồng minh và đối thủ quan trọng nhất của Mỹ ở CA-TBD. An ninh Đông Bắc Á càng trở nên quan trọng hơn với hai trong số ba điểm nóng chính ở Đông Á là bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan. Có lẽ một phần vì phải tập trung nhiều vào Đông Bắc Á như vậy, nên trong một thời gian dài, Mỹ đã tiếp tục duy trì lập trường trung lập đối với tranh chấp chủ quyền lãnh thổ ở biển Đông. Mặt khác, tuy là “mặt trận thứ hai” trong cuộc chiến chống khủng bố, nhưng Đông Nam Á chưa thể so sánh về tầm quan trọng so với Trung Đông hay thậm chí Trung Á. Hơn nữa, nhìn chung Hồi giáo ở Đông Nam Á được đánh giá là có tư tưởng ôn hoà. Những

chính phủ ở Đông Nam Á nơi có người Hồi giáo sinh sống, khác với chế độ Taliban trước đây, không hậu thuẫn cho các lực lượng khủng bố. Thậm chí các chính phủ này còn hợp tác chặt chẽ với Mỹ trong việc diệt trừ các băng nhóm khủng bố trong khu vực.

Để khắc phục sự chưa toàn diện, rõ ràng trong chính sách đối với Đông Nam Á cộng với áp lực từ nhiều phía, từ giữa năm 2005 trở lại đây, chính quyền Bush đã đẩy mạnh quan hệ với các nước Đông Nam Á. Theo một nghiên cứu của Quốc hội Mỹ trong năm 2005, mục tiêu chiến lược lâu dài của Mỹ tại Đông Nam Á được xác định là: (1) ổn định khu vực và cân bằng lực lượng với mục tiêu chiến lược là không cho ai làm bá chủ tại Đông Nam Á; (2) Không để bị loại ra khỏi khu vực bởi một cường quốc hay một liên minh nào; (3) Tự do lưu thông hàng hải và bảo vệ các đường biển; (4) Bảo vệ quyền lợi mậu dịch và đầu tư của Mỹ; (5) ủng hộ đồng minh và các nước bạn; (6) Truyền bá dân chủ, chủ nghĩa pháp quyền, nhân quyền, và tự do tín ngưỡng; (7) Không để khu vực trở thành căn cứ địa của bọn khủng bố⁽²⁾. Bản điều trần ngày 2/3/2005 của Quyền Trợ lý Ngoại trưởng phụ trách các vấn đề Đông Á - Thái Bình Dương Evans J. R. Revere trước Ủy ban Quan hệ quốc tế của Thượng viện đề cập một cách toàn diện hơn các mối quan tâm của Mỹ tại khu vực như hoà bình, ổn định, chống khủng bố, hợp tác kinh tế, phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, dân chủ, nhân quyền và một số vấn đề khác. Bản điều trần này cũng nêu tương đối chi tiết các vấn đề ở Đông Nam

Á, đồng thời nhấn mạnh Mỹ cần ưu tiên cho những nước Đông Nam Á quan trọng.

Trong năm 2006, dựa trên quan hệ vững chắc đã đạt được, ASEAN và Mỹ chủ trương phát triển toàn diện chương trình Enhanced Partnership (Đối tác nâng cao). Đây là một chương trình mà các nước ASEAN muốn Mỹ tham dự như là một thành viên ngang hàng với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ để tránh cạnh tranh giữa các nước lớn trong khu vực với mong muốn đem lại ổn định lâu dài tại đây. Chiến lược an ninh quốc gia năm 2006 của Mỹ công bố ngày 16/3/2006 cũng nhấn mạnh: “Với Đông Nam Á, chúng ta vui mừng trước tốc độ tự do kinh tế tăng nhanh và quan tâm mở rộng tự do chính trị cho toàn thể nhân dân trong khu vực bao gồm cả những người đang phải chịu đựng chế độ áp bức ở Mianma. Trong quá trình thúc đẩy tự do chính trị và kinh tế nhiều hơn, chúng ta phải sát cánh cùng các đồng minh và bạn bè chủ chốt của chúng ta là Indônêxia, Malaixia, Philippin, Thái Lan...”⁽³⁾

Như vậy có thể thấy rằng, mặc dù Đông Nam Á chưa phải là địa bàn chiến lược sống còn đối với Mỹ, do đó suốt một thời gian dài sau chiến tranh lạnh Mỹ vẫn tiếp tục nhấn mạnh lối tiếp cận song phương, nhưng càng ngày Mỹ càng nhận thấy rằng, để đảm bảo lợi ích của mình, Mỹ cần phải tăng cường sự có mặt tại khu vực. Điều này đã tạo ra những tác động nhất định đối với an ninh Đông Nam Á trên các khía cạnh như môi trường an ninh khu vực và tính hiệu quả của sự phối

hợp chính sách đa phương của Mỹ.

Trong quá trình triển khai chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ sau chiến tranh lạnh đối với Đông Nam Á **trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng thì điểm nổi bật là sử dụng con bài “dân chủ” và “nhân quyền”**. Dưới thời chính quyền B. Clinton, giới chức Mỹ thường chỉ trích rất mạnh mẽ những thành tích về nhân quyền tại các quốc gia ASEAN. Theo Rizal Sukma, “Trong thời kỳ hậu chiến tranh lạnh, không một vấn đề nào trở thành trung tâm trong quan hệ giữa Mỹ với Đông Nam Á hơn là vấn đề dân chủ và nhân quyền”⁽⁴⁾. Đây không chỉ là vấn đề trong quan hệ với Mianma, Việt Nam mà còn đối với cả Malaixia, Xingapo và Indônêxia. Để mở rộng dân chủ, Mỹ chủ trương thi hành chính sách “dính líu toàn diện” nhằm xây dựng mối quan hệ toàn diện trên các lĩnh vực, cho phép Mỹ tìm ra các giải pháp về sự khác biệt giữa Mỹ và các nước trong khu vực để làm cho tất cả đều hoà nhập vào một cộng đồng theo kinh tế thị trường, trong đó Mỹ giữ vai trò lãnh đạo, chi phối chủ yếu.

Song song với việc sử dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để chống phá về chính trị tư tưởng, Mỹ còn lợi dụng sự khó khăn về kinh tế và sự nghèo nàn, lạc hậu của các nước trong khu vực để khuyếch trương tác dụng của con bài “viện trợ kinh tế” để ép cải cách chính trị, sửa đổi luật với mong muốn đẩy các nước khu vực đi vào quỹ đạo của Mỹ. Lấy viện trợ kinh tế làm con bài, Mỹ ngang nhiên chỉ trích những chính sách của các chính phủ không phù hợp

yêu cầu của Mỹ, can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của các nước, chèn ép mô thức Đông Nam Á và giá trị châu Á... nhằm tìm cơ sở lý luận cho việc truyền bá tư tưởng dân chủ, nhân quyền và văn hóa phương Tây.

Trên lĩnh vực kinh tế, trong thời kỳ cầm quyền của Bill Clinton, mặc dù đã nhấn mạnh nội dung kinh tế như một trong những trụ cột của chính sách đối ngoại và Mỹ đã tham gia một vài cơ chế đối thoại kinh tế với ASEAN, nhưng gần như chưa có biện pháp cụ thể nào được Mỹ triển khai. Điều đó đã khiến cho nhiều nhà nghiên cứu tỏ ra lo ngại về sự sụt giảm vị thế của Mỹ tại khu vực. Theo thời gian, Mỹ ngày càng nhận ra những lợi ích kinh tế to lớn ở khu vực Đông Nam Á. Khu vực này đã trở thành điểm đến của các nhà đầu tư Mỹ và là một trong các đối tác thương mại quan trọng của Mỹ: Năm 2001, thương mại hai chiều Mỹ - ASEAN đạt 107 tỷ USD, Đông Nam Á được coi là thị trường nước ngoài lớn thứ ba của Mỹ (sau Nhật Bản và EU); năm 2002 đạt 119 tỷ USD, trong đó Mỹ xuất khẩu 43 tỷ USD và nhập khẩu 76 tỷ USD. Năm 2003 đạt 130 tỷ USD và con số này tiếp tục tăng lên gần 140 tỷ USD vào năm 2004 và gần 150 tỷ USD năm 2005, trong đó Mỹ nhập 100 tỷ USD và xuất gần 50 tỷ USD sang các nước ASEAN. Hơn một nửa xuất khẩu của ASEAN là tới thị trường Hoa Kỳ gồm thiết bị và máy móc công nghiệp, bao gồm hàng điện tử, linh kiện viễn thông, linh kiện máy tính và máy tính. Hiện tại, ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ tư của Mỹ, còn Mỹ là đối tác thương mại lớn

nhất của khu vực Đông Nam Á.

Để cạnh tranh với các đối tác lớn trên thị trường khu vực, chính quyền của Tổng thống G.W.Bush hiện nay tăng cường chính sách tự do hóa thương mại đối với Đông Nam Á. Mục tiêu kinh tế số một của Mỹ ở Đông Nam Á là thúc đẩy, mở rộng thương mại và đầu tư, từ đó thúc đẩy cải cách cơ cấu kinh tế và chính trị. Theo đó, Mỹ tích cực ủng hộ quá trình thực hiện Hiệp định tự do thương mại ASEAN (AFTA), khuyến khích cải cách kinh tế, củng cố sự có mặt về thương mại của Mỹ và giúp cân đối các luồng thương mại và đầu tư vào châu Á để một nước không dùng sức mạnh kinh tế đang lên của mình chi phối tình hình khu vực. Khác với chính quyền tiền nhiệm Bill Clinton trước đây vốn nhấn mạnh thúc đẩy tự do hoá thương mại đa phương, lấy GATT/WTO làm cơ sở, chính quyền G.W.Bush lại chủ trương tiến hành cùng một lúc tự do hoá thương mại đa phương, khu vực và song phương. Ngoài ra, bên cạnh việc tích cực thúc đẩy tự do hoá thương mại, chính quyền G.W.Bush đã tăng cường chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch, điều này đã tạo ra những thách thức không nhỏ cho các quốc gia tại khu vực. Tháng 10/2002, tại Hội nghị cấp cao APEC ở Los Cabos (Mexico), Tổng thống G.W.Bush đề xuất "Sáng kiến doanh nghiệp ASEAN" (EAI) trong hợp tác với các nước ASEAN với những nội dung chủ yếu là: 1) Xây dựng mạng lưới các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương với các quốc gia ASEAN bao gồm: các FTA mang tính đột phá như đã ký với Xingapo; các Hiệp định khung về

thương mại và đầu tư (TIFA) với Indônêxia, Philippin, Thái Lan và Brunây; các Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam và Lào... 2) Tăng cường các cuộc tham vấn với khu vực Đông Nam Á sẽ tạo điều kiện bảo đảm một kết thúc thành công của Chương trình nghị sự phát triển Doha. 3) Tiếp tục can dự ở tầm đa phương qua APEC và ASEAN. 4) Xây dựng thoả thuận Hợp tác ASEAN về các tiêu chuẩn công nghiệp (ví dụ như ô tô), thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế của ASEAN. 5) Khuyến khích các nước trong khu vực chấp nhận những sản phẩm sử dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp và xây dựng năng lực pháp quy nhằm cho phép mua bán và sử dụng những sản phẩm đó trong khu vực. 6) Khuyến khích các quốc gia ASEAN cải thiện môi trường đầu tư thông qua cải cách các thể chế pháp lý, nâng cao việc bảo vệ công dân và tài sản của công dân, giải quyết các tranh chấp một cách hoà bình, tạo thuận lợi cho trao đổi kinh tế...

Trên lĩnh vực an ninh - quân sự, sau ngày 11/9, trong chiến lược an ninh quốc gia mới, CA-TBD và nhất là Đông Nam Á trở thành một trong những trọng điểm chiến lược của Mỹ. Mỹ đã triệt để lợi dụng sự kiện 11/9, lợi dụng chống khủng bố để lôi kéo, khuếch trương, mặc cả và gây áp lực với các nước khu vực nhằm tập hợp lực lượng, hình thành “liên minh chống khủng bố” do Mỹ cầm đầu. Nhưng vì khu vực này rất rộng và đa dạng nên sự hợp tác được thể hiện ở các mức độ khác nhau tùy trong tiểu vùng và các quốc gia khác nhau. Sự phức tạp ở trong nước có

thể đã buộc một số nước không thể hiện rõ sự hợp tác rộng rãi hoặc công khai của họ, đặc biệt đối với các nước có đa số dân theo đạo Hồi như Indônêxia hoặc Malaixia.

Trước tình hình có nhiều vụ khủng bố xảy ra trong khu vực (đặc biệt là ở Philippin và Indônêxia), Mỹ đã coi Đông Nam Á là mặt trận thứ hai trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Mỹ còn mượn cơ chống khủng bố để công khai và “hợp pháp hóa” việc triển khai lực lượng quân sự trở lại khu vực Đông Nam Á. Mỹ tiếp tục tăng cường sự có mặt về quân sự bằng cách thúc đẩy sự hình thành cơ cấu an ninh - quân sự đa phương ở khu vực Đông Nam Á (và cả Nam Thái Bình Dương) mà nòng cốt là thành lập cho được lực lượng đa quốc gia do Mỹ lãnh đạo, chi phối và coi đó như là một công cụ hữu hiệu để can thiệp một cách nhẹ nhàng vào các nước Đông Nam Á theo kiểu SEATO trước đây.

Mặt khác, Mỹ gia tăng sự can dự và kiểm soát trên biển, nhất là ở eo biển Malacca và biển Đông. Với Mỹ, eo biển Malacca là một trong năm lợi ích chiến lược của Mỹ tại khu vực Đông Nam Á. Trong 5 năm gần đây, Mỹ đã cùng các nước ASEAN tiến hành hơn 30 cuộc tập trận, chiếm 70% các cuộc tập trận ở châu Á. Việc các nước lớn tăng cường ảnh hưởng ở Đông Nam Á, tranh chấp chủ quyền biển Đông cũng như eo Malacca cho thấy tầm quan trọng của tuyến đường giao thông huyết mạch trên biển Đông. Trong cuộc tranh chấp này, nổi lên mưu đồ và thế thượng phong của Mỹ trong việc

kiểm chế Trung Quốc và kiểm soát tuyến đường giao thông quan trọng này.

Tại biển Đông, lợi ích của Mỹ bao gồm lợi ích kinh tế, lợi ích an ninh chiến lược, trong đó có lợi ích trước mắt là kinh tế, còn lợi ích an ninh chiến lược là mục tiêu căn bản. Mỹ biết rõ nếu Mỹ không phát huy ảnh hưởng trong khu vực thì ngoài Trung Quốc tăng cường “Nam tiến”, Nhật Bản cũng sẽ mượn cớ bảo vệ con đường hàng hải buôn bán của họ để phát triển thực lực quân sự khống chế vùng biển này. Trong tình hình mới, biển Đông sẽ tạo điều kiện cho Mỹ duy trì sự hiện diện quân sự trong khu vực và giúp triển khai nhanh quân Mỹ tới các điểm nóng trong khu vực, cũng như từ đây triển khai ra các điểm nóng khác trên thế giới.

Sự trở lại Đông Nam Á của Mỹ đã làm cho tình hình chính trị - an ninh ở khu vực thêm phức tạp. Sự gia tăng lực lượng và can dự của Mỹ trên biển, nhất là quanh khu vực Eo biển Malacca và biển Đông có tác động sâu sắc đến cục diện chính trị và hợp tác an ninh của Đông Nam Á nói riêng, CA-TBD nói chung. Mặt khác, trong bối cảnh chạy đua tranh giành ưu thế kiểm soát địa chính trị ở Đông Nam Á giữa Mỹ và các nước lớn khác đã và đang gây ra nhiều khó khăn và thách thức trong xử lý chiến lược quan hệ đối ngoại của các nước ASEAN.

Tóm lại: Sau chiến tranh lạnh, Mỹ đã đề xuất và triển khai nhiều chiến lược an ninh quốc gia nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia trước mắt cũng như lâu dài cả về kinh tế, chính trị và an ninh. Lợi ích lâu dài và

xuyên suốt của Mỹ vẫn là “lãnh đạo thế giới, phổ biến giá trị và lối sống Mỹ trên toàn thế giới, duy trì vị trí siêu cường số 1 trong một thế giới có nhiều trung tâm quyền lực. Do vị trí địa - chính trị quan trọng và vai trò ngày càng tăng của ASEAN tại CA-TBD và thế giới nên khu vực Đông Nam Á được Mỹ coi là cứ điểm quan trọng trong chiến an ninh quốc gia. Tuy nhiên việc thực thi chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ tại khu vực Đông Nam Á đã gây tác động không nhỏ đến hoà bình, ổn định, an ninh và phát triển của khu vực. Điều này đòi hỏi các quốc gia Đông Nam Á phải hết sức tỉnh táo phân định rõ tình hình, tận dụng thời cơ và đối phó với những thách thức để ổn định và phát triển trong bối cảnh còn nhiều biến động hiện nay./.

CHÚ THÍCH

1. *Chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ cho thế kỷ 21* (1999), Tài liệu tham khảo số 4- 1999, Thông tấn xã Việt Nam, số 1/1999, tr.42.
2. *China-Southeast Asia Relations: Trends, Issues and Implications for the United States*, Congressional Research Service Report for Congress, February 8, 2005, p. 4.
3. *Chiến lược an ninh quốc gia 2006 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ*, TTXVN, Tài liệu tham khảo số 8-9.
4. Sukma Rizal: “US - Southeast Asia Relations After the Crisis: The Security Dimension”, Background paper prepared for the Asia Foundation’s Workshop on America’s Role in Asia, Bangkok, 22-24 March, 2000.